TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Song Trà.
Ông Đào Kim Kinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Vân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1991, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TA, xã NP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1989, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn CLLC, xã NP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 25-4-2023, bản tự khai ngày 30-6-2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 20-4-2012 đến nay đã có hai con Nguyễn Thị Bích P và Nguyễn Hữu T. Nhưng vì cuộc sống của hai vợ chồng không được đồng tình, mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng cải vã nhiều lần. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn Vy có 02 con chung Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 18-10-2012, Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22-8-2015, khi ly hôn bà C yêu cầu được nuôi cháu P, ông V nuôi cháu T, không bên nào không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 21-6-2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ.

- Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu nuôi cháu T, bà C nuôi cháu P, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về quan hệ tranh chấp đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thời gian giải quyết vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Vấn đề thu thập chứng cứ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Cúc. Bà Võ Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn V có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 18-10-2012, Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22-8-2015, khi ly hôn bà Cúc nuôi cháu P, ông V nuôi cháu T, không bên nào không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị C, bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20 tháng 4 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc sinh được 02 con. Sau đó bà Cúc và ông Nguyễn Văn V trong cuộc sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà C và ông V bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Bà C và ông V đã không sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ đó bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà C chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị C, bà Võ Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

[3] Về con chung: Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 18-10-2012, còn cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22-8-2015 giao cho ông V trực tiếp nuôi, không bên nào không cấp dưỡng nuôi con. Ông V đã có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý nuôi cháu T và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, cháu P có nguyện vọng ở với mẹ và cháu T có nguyện vọng ở với cha. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao cháu P cho bà C trực tiếp nuôi, còn cháu T giao cho ông V trực tiếp nuôi.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí vụ án hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Cúc phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị C.

1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2- Về con chung: Bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn V có 02 con chung Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 18-10-2012, Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22-8-2015, khi ly hôn bà C được nuôi cháu P, ông V nuôi cháu T, không bên nào không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4- Về nợ chung: Không có.

5- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006163 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Phú, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng